

Bài II NHẬT BẢN (tiếp theo)

Tiết 4. Thực hành

Tìm hiểu về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản

1. Vẽ biểu đồ

Cho bảng số liệu sau :

Bảng 11.5. Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm

(Đơn vị : tỉ USD)

Năm	1990	1995	2000	2001	2004
Xuất khẩu	287,6	443,1	479,2	403,5	565,7
Nhập khẩu	235,4	335,9	379,5	349,1	454,5
Cán cân thương mại	52,2	107,2	99,7	54,4	111,2

Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản qua các năm.

2. Nhận xét hoạt động kinh tế đối ngoại

Đọc các thông tin sau, kết hợp với biểu đồ đã vẽ, nêu các đặc điểm khái quát về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

- Tích cực nhập khẩu công nghệ và kĩ thuật của nước ngoài.
- Có chính sách tận dụng và khai thác triệt để những thành tựu khoa học - kĩ thuật, nguồn vốn đầu tư của Hoa Kỳ và các nước khác nên đã rút ngắn được khoảng cách và vươn lên dẫn đầu thế giới trong nhiều ngành kinh tế.

Khoảng 52% tổng giá trị thương mại được thực hiện với các nước phát triển, trong đó nhiều nhất là Hoa Kỳ và EU. Trên 45% tổng giá trị thương mại được thực hiện với các nước đang phát triển, trong đó 18% thực hiện với các nước và lãnh thổ công nghiệp mới ở châu Á.

Về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA), Nhật Bản đang là nước đứng đầu thế giới.

Nhật Bản hiện chiếm vị trí quan trọng trong đầu tư vào các nước ASEAN. Giai đoạn 1995 [2001, đầu tư của Nhật Bản chiếm 15,7% tổng đầu tư nước ngoài vào ASEAN với 22,1 tỉ USD. Viện trợ phát triển chính thức của Chính phủ Nhật Bản chiếm tới 60% tổng viện trợ ODA dành cho các nước ASEAN.

Từ năm 1991 đến năm 2004, ODA của Nhật Bản vào Việt Nam là gần 1 tỉ USD, chiếm 40% nguồn vốn ODA đầu tư vào Việt Nam.



Hình 11.7. Vịnh Tô-ki-ô